

Bản án số: 239/2026/HS-ST  
Ngày 15-9-2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chung

Bà Lường Thị Khuyên

**- Thư ký phiên toà:** Bà Lý Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tham gia phiên toà:** Ông Trần Thanh Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 251/2026/TLST-HS ngày 04/9/2026 theo định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2026/QĐXXST-HS ngày 04/9/2026 đối với:

**- Các bị cáo:**

1. **Lường Văn C**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1999 tại xã N, tỉnh Sơn La; nơi cư trú bản Sàng Hay, xã N, tỉnh Sơn La (trước đây là bản Sàng Lay, xã N, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lường Văn K, sinh năm 1974 và bà Vì Thị K1, sinh năm 1976; có vợ là Lò Thị D, sinh năm 2002 và có 01 người con, sinh năm 2026; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/06/2026 cho đến nay, có mặt.

2. **Tòng Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1998 tại xã N, tỉnh Sơn La; nơi cư trú bản Chiềng Vàng, xã N, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tòng Văn T1, (đã chết) và bà Lường Thị C1, (đã chết); chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự (Tại Quyết định số 70/QĐ-TA ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 18/8/2024); bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/06/2026 cho đến nay, có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo Lường Văn C:** Bà Lường Thị T2, trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S, có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Tòng Văn T:* Bà Trần Bích L, trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Cà Thị Ú, sinh năm 1988 và anh Tòng Văn T3, sinh năm 1984; cùng nơi cư trú: Bản B, xã N, tỉnh Sơn La, có mặt. (Chị Ú đã ủy quyền cho anh T3 tham gia giải quyết vụ án).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 30 phút, ngày 10/6/2026, tại bản Nà Lốc II, xã C, tỉnh Sơn La, Tổ công tác của Công an xã C, tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ phát hiện Lương Văn C và Tòng Văn T có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ bên trong lòng bàn tay trái của Lương Văn C một gói nilon màu hồng bên trong chứa chất bột liên kết màu trắng và một mảnh màu hồng (*C và T khai nhận là H và Hồng phiến*) cùng gói tiền mua về để sử dụng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ và niêm phong vật chứng gồm:

- Thu của Lương Văn C một gói nilon màu hồng bên trong chứa chất bột liên kết màu trắng và một mảnh màu hồng nghi là Heroine và Hồng phiến; 01 bật lửa ga màu đỏ không nhãn hiệu đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của Tòng Văn T 01 chiếc xe mô tô loại xe Wave  $\alpha$ , biển kiểm soát: 26B2 - 385.88, xe không có gương, đã qua sử dụng.

Cùng ngày, Công an xã C phối hợp với Trạm y tế xã Chiềng Sơ đã tiến hành kiểm tra ma túy có trong nước tiểu đối với Lương Văn C và Tòng Văn T. Kết quả xác định Lương Văn C và Tòng Văn T đều dương tính với ma túy. Đồng thời thu mẫu nước tiểu của Tòng Văn T gửi giám định thành phần chất ma túy, ký hiệu mẫu số 01.

Tiến hành xác minh nhân thân tại xã N xác định: Lương Văn C không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự. Tòng Văn T đang là đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện ma túy tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là Ủy ban nhân dân xã N) theo Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2024.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại Tổ địa bàn Sông M - Phòng PC04 Công an tỉnh S thành lập hội đồng mở niêm phong, cân tịnh vật chứng, trích mẫu giám định, niêm phong mẫu giám định kết quả: Một mảnh màu hồng nghi là Hồng phiến và số bột liên kết màu trắng nghi là Heroine thu giữ có tổng khối lượng 0,14 gam, trích hết làm mẫu giám định ký hiệu C1.

Kết luận giám định số 1028/KL-KTHS ngày 18/6/2026 của Phòng K2 - Công an tỉnh S, kết luận:

*“Mẫu giám định ký hiệu C1 là ma túy; Loại Methamphetamine và H (H), có tên khoa học là D1, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025) và Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; Khối lượng của mẫu giám định là 0,14 gam.*

*Mẫu giám định ký hiệu Mẫu số 01 có chất ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu gửi giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định”.*

Kết quả xác định hiện trường và thực nghiệm điều tra việc sử dụng trái phép chất ma túy, do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La lập ngày 18/6/2026 tại bản Nà Sèo, xã N, tỉnh Sơn La, xác định:

Hiện trường chung: Vị trí hiện trường tại khu vực nương và lán nương của bà Hồ Thị C2 thuộc khu vực đồi nương của bản Nà Sèo, xã N, tỉnh Sơn La. Phía Bắc: Là khu đồi nương của bà Hồ Thị C2. Phía Nam: Tiếp giáp đất nương của Hồ Súa L1. Phía Tây: Tiếp giáp đất lương của ông Hồ A D2. Phía Đông: Tiếp giáp khu đất nương của bà Hồ Thị C2.

Hiện trường cụ thể: Được xác định là lán nương của bà Hồ Thị C2 được xây dựng bằng vật liệu gỗ và tre, lán được dựng trên đất dốc, không thu giữ được vật chứng. Hai đối tượng Lương Văn C, Tòng Văn T mô tả các vị trí tại thời điểm xảy ra vụ việc như sau:

Vị trí số 01 ở phía ngoài, trên lán cách lán 1m, được xác định là vị trí đối tượng Lương Văn C, Tòng Văn H1 đứng khi hỏi mua ma túy.

Vị trí số 02 ở chính giữa sàn tre của lán, cách vị trí số 01 là 3,2m được xác định là vị trí đứng của người phụ nữ đã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho C và T.

Vị trí số 3 nằm ở phía trong lán, cách vị trí số 1 về hướng Đông Bắc 1,9m, là vị trí Lương Văn C đưa tiền để mua chất ma túy.

Vị trí số 4 là vị trí Tòng Văn T đứng quan sát khi C mua ma túy, cách vị trí số 3 đo thẳng về hướng Nam 1,3 m; cách vị trí số 2 là 1,9 m.

Vị trí số 5 cách vị trí số 3 là 0,6 m về hướng bắc mép ngoài của nhà lán là vị trí Lương Văn C và Tòng Văn T sử dụng trái phép ma túy.

Vị trí số 6 ở phía ngoài, dưới lán cách lán 1,9 m ở phía trên mặt đất là khu vực Lương Văn C ném mảnh giấy bạc sau khi đã sử dụng ma túy. Vị trí số 6 cách vị trí số 5 là 3,8 m; cách vị trí số 01 là 5,6 m.

Quá trình xác định, thực nghiệm điều tra đã tiến hành chụp ảnh, vẽ sơ đồ và không thu giữ được vật chứng. Hành vi diễn lại quá trình sử dụng ma túy của Lương Văn C và Tòng Văn T phù hợp với lời khai, kết quả khám nghiệm hiện trường.

*Quá trình điều tra các bị cáo Lương Văn C, Tòng Văn T khai nhận:* Khoảng 17 giờ ngày 10/6/2026, Tòng Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26B2-385.88 đi chơi tại bản Pàn, xã N thì gặp Lương Văn C (là anh em họ). Qua trò chuyện, C rủ T cùng nhau góp tiền đi mua ma túy về cùng sử dụng. T đồng ý góp 25.000 đồng, C góp 25.000 đồng (Tiền do T và C lao động tiết kiệm mà có). Khi đi C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26B2 - 385.88 chở T đến bản N, xã N, tỉnh Sơn La. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì đến khu vực đồi nương của bản Nà Sèo, xã N cả 02 người cùng vào trong lán nương của một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết. Chuyên hỏi và mua được một gói nilon màu hồng bên trong có một ít Heroine, 01 viên H2 phiến với giá 50.000 đồng. Sau khi nhận ma túy, C xin người phụ nữ dân tộc Mông được một mảnh giấy bạc đồng thời lấy bật lửa ga màu đỏ ở trong túi quần mang từ nhà đi để chuẩn bị sử

dụng ma túy, người phụ nữ dân tộc Mông đã đi khỏi lán nương. Chuyên trích một phần nhỏ H và bề mặt phần viên H2 phiên trộn lẫn với nhau rồi cho vào mảnh giấy bạc và tự sử dụng bột lửa ga của C để đốt (hít). (Thiếp không chạm vào mảnh giấy bạc, không chuẩn bị công cụ, phương tiện gì). Chuyên sử dụng ma túy xong thì T sử dụng (hít), Sau đó C vo mảnh giấy bạc ném tại khu lán nương rồi cất chiếc bột lửa ga vào túi quần đang mặc. Số ma túy còn lại, C gói lại cầm ở lòng bàn tay trái điều khiển xe chở T đi về. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến địa phận thuộc bản Nà Lốc II, xã C, tỉnh Sơn La thì gặp tổ công tác Công an xã C làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang thu giữ và niêm phong vật chứng, tạm giữ đồ vật và phương tiện.

Tại bản cáo trạng số: 181/CT-VKSSLA-KV ngày 04/9/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La đã truy tố: Lương Văn C tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* và tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy* theo điểm i khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025; Tòng Văn T tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* và tội *Sử dụng trái phép chất ma túy* theo điểm i khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lương Văn C, Tòng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

*Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng chị Cà Thị Ú, anh Tòng Văn T3 trình bày:* Đối với chiếc xe mô tô biển số 26B2 - 385.88 là tài sản chung của vợ chồng anh chị. Bị cáo Tòng Văn T đến ở rể, thấy chiếc xe không có biển số và có biển số của xe khác để ở nhà nên T đã tự ý lắp biển số của xe khác vào chiếc xe này. Vợ chồng anh chị cũng không biết việc Tòng Văn T sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy. Đây là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình nên anh chị có nguyện vọng xin lại chiếc xe này.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

### **- Về tội danh và Hình phạt**

#### **1. Đối với bị cáo Lương Văn C.**

Tuyên bố bị cáo Lương Văn C phạm tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* và tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt 03 năm 02 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* và xử phạt 03 năm 04 tháng đến 03 năm 08 tháng tù tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là 06 năm 06 tháng đến 07 năm 02 tháng tù.

## 2. Đối với bị cáo Tòng Văn T

Tuyên bố bị cáo Tòng Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt từ 03 năm 02 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 08 tháng tù. Tổng hợp hình phạt cả 02 tội từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 02 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

**Về vật chứng vụ án:** Trả cho vợ chồng anh Tòng Văn T3, chị Cà Thị Ú 01 chiếc mô tô và 01 chiếc biển kiểm soát: 26B2 - 385.88. Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư niêm phong bên trong chứa 01 mảnh nilon màu hồng; 01 bật lửa ga màu đỏ.

**Về án phí:** Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

*Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Lương Văn C:* Nhất trí như luận tội của đại diện viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các nội dung khác; đề nghị cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của viện kiểm sát.

*Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Tòng Văn T:* Đề nghị cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của hình phạt, cụ thể: Mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù với tội Sử dụng trái phép chất ma túy; nhất trí với các nội dung khác như tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt bổ sung...

*Ý kiến tranh luận các bị cáo Lương Văn C, Tòng Văn T:* Các bị cáo đều nhất trí với luận cứ bào chữa của người bào chữa, không bổ sung hay có ý kiến gì thêm.

*Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Nhất trí với lời luận tội của đại diện viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Lương Văn C, Tòng Văn T: Các bị cáo đã nhận ra hành vi phạm tội của mình là sai trái và rất ân hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo hình phạt mức thấp nhất để các bị cáo sớm được trở lại cộng đồng xã hội, trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng:*

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng

hình sự, thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh S, không thay đổi, bổ sung nội dung gì. Hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La. Các bị cáo khẳng định khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám xét khẩn cấp; Kết luận giám định; Các biên bản đối chất; biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung đối với các bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện hành vi phạm tội; Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 10/6/2026 tại bản Nà Lóc II, xã C, tỉnh Sơn La các bị cáo Lương Văn C, Tòng Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép 0,14 gam Heroine và Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Ngày 10/6/2026 tại lán nường của bà Hồ Thị C2 tại bản N, xã N, tỉnh Sơn La bị cáo Lương Văn C có hành vi chuẩn bị ma túy, cung cấp bột lửa ga, mảnh giấy bạc và châm lửa cho Tòng Văn T sử dụng ma túy bằng hình thức đốt hít qua đường hô hấp vào cơ thể đã phạm tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy* theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tòng Văn T là đối tượng thuộc diện quản lý sau cai theo Quyết định quản lý sau cai số 220/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 Ủy ban nhân dân xã C, huyện S (nay là UBND xã N, tỉnh Sơn La) với thời hạn 02 năm, kể từ ngày 04/9/2024 đến ngày 04/9/2026. Ngày 10/6/2026 tại lán nường của bà Hồ Thị C2 tại bản N, xã N, tỉnh Sơn La bị cáo Tòng Văn T sử dụng ma túy bằng hình thức đốt hít qua đường hô hấp vào cơ thể đã phạm tội *Sử dụng trái phép chất ma túy* theo điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Do các bị cáo đều phạm 02 tội và cùng xét xử trong vụ án này nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự, an ninh xã hội tại địa phương là một trong những nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội

phạm khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó cần có mức hình phạt phù hợp nhằm răn đe giáo dục đối với các bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo:

[4.1] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo Tòng Văn T thuộc trường hợp có nhân thân xấu có 01 tiền sự về ma túy; tại Quyết định số 70/QĐ-TA ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 18/8/2024, chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội nên cần có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

[4.2] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lương Văn C, Tòng Văn T, đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ sự phân tích trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử hình phạt tù có thời hạn, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[4.2] *Về vai trò đồng phạm:*

*Đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy:* Các bị cáo là đồng phạm giản đơn, cùng là người thực hiện. Trong đó bị cáo Lương Văn C là người khởi sướng rủ rê, góp tiền, điều khiển xe và trực tiếp trao đổi mua ma túy; bị cáo Tòng Văn T cùng góp tiền, cùng thực hiện hành vi đi mua ma túy và cung cấp xe mô tô của mình để C điều khiển đi mua ma túy, canh giữ và quan sát C thực hiện hành vi mua ma túy. Cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự để cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo.

*Đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội Sử dụng trái phép chất ma túy:* Các bị cáo phạm tội độc lập.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

[6] Một số vấn đề khác:

[6.1]. Về nguồn gốc số ma túy: Các bị cáo Lương Văn C và Tòng Văn T khai nhận mua được của một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết ở khu vực bản N, xã N, tỉnh Sơn La. Do các bị cáo không biết họ và tên, địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S không có căn cứ để xác minh, làm rõ trong vụ án này là đúng quy định. Buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với toàn bộ khối lượng ma túy thu giữ trong vụ án này.

[6.2] Đối với chị Cà Thị Ú, anh Tòng Văn T3: Anh chị không biết việc các bị cáo sử dụng xe mô tô thuộc quyền sở hữu của anh chị làm phương tiện đi mua trái phép chất ma túy nên cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý là có căn cứ.

[6.3] Đối với bà Hờ Thị C2: Bà không biết việc các bị cáo sử dụng lán nương thuộc quyền sở hữu của gia đình bà làm nơi mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy nên cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý là có căn cứ.

[6.4]. Đối với việc Lường Văn C sử dụng trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định Lường Văn C không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự nên cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý về tội Sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Lường Văn C là người tự chuẩn bị ma túy, tự chuẩn bị công cụ phương tiện là bật lửa ga, mảnh giấy bạc và tự châm lửa để tự sử dụng ma túy bằng hình thức đốt hít qua đường hô hấp vào cơ thể mình; toàn bộ quá trình này Tòng Văn T không tham gia nên cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý Tòng Văn T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

[7] Vật chứng vụ án:

Đối với chiếc mô tô không có biển số nhãn hiệu Honda, loại xe Wave anpha, màu sơn đỏ, đen, có số máy: JA59E-29913TP, có số khung: RLHJA3927FA524925, xe không có gương, đã qua sử dụng, cùng chìa khóa xe là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Tòng Văn T3, chị Cà Thị Út . Anh chị không biết việc các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy, là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình, tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe là có căn cứ, cần chấp nhận theo khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự

Đối với biển kiểm soát: 26B2 - 385.88 là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Tòng Văn T3, chị Cà Thị Ú; không biết việc bị cáo Tòng Văn T tự ý lắp vào xe máy không có biển số để sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy, là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình, tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe là có căn cứ, cần chấp nhận theo khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Đối với 01 phong bì thư niêm phong bên trong chứa 01 mảnh nilon màu hồng; 01 bật lửa ga màu đỏ không rõ nhãn hiệu vật không còn giá trị sử dụng và là công cụ phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu theo khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

[8] Về án phí:

Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Lường Văn C thuộc hộ nghèo. Tại phiên tòa các bị cáo xin được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận, miễn nộp án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[9] Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Đề nghị về mức hình phạt của Kiểm sát viên đối với tội Sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Tòng Văn T là cao nên cần áp dụng mức hình phạt thấp hơn. Các nội dung đề nghị khác là phù hợp nên cần chấp nhận.

[11] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lương Văn C áp dụng mức hình phạt 03 năm 02 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; 03 năm 04 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng phép chất ma túy là thấp nên không chấp nhận. Các nội dung đề nghị khác của người bào chữa cho các bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh và hình phạt:**

#### **1.1. Đối với bị cáo Lương Văn C.**

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Văn C phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; xử phạt 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lương Văn C phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; xử phạt 03 (ba) năm 05 (năm) tháng tù.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Văn C phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2026.

#### **1.2. Đối với bị cáo Tòng Văn T.**

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Tòng Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; xử phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Tòng Văn T phạm tội Sử dụng trái phép chất ma túy; xử phạt 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Tòng Văn T phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2026

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

**2. Về vật chứng vụ án:** Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47, Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho vợ chồng anh Tòng Văn T3, chị Cà Thị Ú: 01 chiếc biển kiểm soát: 26B2 - 385.88 và 01 chiếc mô tô không có biển số nhãn hiệu Honda, loại xe Wave anpha, màu sơn đỏ, đen, có số máy: JA59E-29913TP, có số khung: RLHJA3927FA524925, xe không có gương, đã qua sử dụng, cùng chìa khóa xe.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư niêm phong bên trong chứa 01 mảnh nilon màu hồng; 01 bật lửa ga màu đỏ không rõ nhãn hiệu vật không còn giá trị

sử dụng. (Mô tả chi tiết theo Phiếu nhập kho vật chứng của P trại tạm giam Sông Mã).

**3. Về án phí:** Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

**4. Về quyền kháng cáo.** Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2026).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND cùng cấp (02 bản);
- Cơ quan thi hành án Hình sự Công an tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Sơn La;
- Người tham gia tố tụng
- Trại tạm giam công an tỉnh Sơn La;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mai**